

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

1.1.1. Tên dự án

Dự án thành phần 3: Xây dựng tuyến đường kết nối Đông Tây thành phố Hải Phòng, đoạn từ đường Tỉnh Thủy đến cuối tuyến (Km3+188 - Km23+589,40) thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Đông Tây thành phố Hải Phòng.

1.1.2. Địa điểm thực hiện

Phạm vi thực hiện Dự án nằm trong ranh giới địa lý hành chính 07 xã/phường bao gồm: xã Kim Thành, xã Hà Nam, xã Hà Bắc, xã Thanh Hà, xã Hà Tây, phường Ái Quốc, phường Nam Đồng, thành phố Hải Phòng.

1.1.3. Chủ dự án đầu tư

Nhà đầu tư: Công ty Cổ phần tập đoàn East Star IP.

- Đại diện: Ông Hoàng Quốc Việt Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Địa chỉ: Số 60 Trần Quang Khải, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại: 0859336363

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.1. Phạm vi dự án

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 26/BC-HĐTĐ ngày 25/08/2026 của Hội đồng thẩm định theo Quyết định số 3279/QĐ-UBND ngày 17/8/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về báo cáo thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Đông Tây, thành phố Hải Phòng.

Dự án thành phần 3: Xây dựng tuyến đường kết nối Đông Tây thành phố Hải Phòng, đoạn từ đường Tỉnh Thủy đến cuối tuyến (Km3+188 - Km23+589,40) thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Đông Tây thành phố Hải Phòng có tổng chiều dài tuyến khoảng 20,4 km, với:

- Điểm đầu: Km3+188, tại điểm cuối của Dự án thành phần 2.
- Điểm cuối: Km23+589,40, kết nối với nút giao đường vành đai 1 thành phố Hải

Dương cũ với đường dẫn cầu Bùi Thị Xuân theo quy hoạch.

Phạm vi thực hiện Dự án nằm trong ranh giới địa lý hành chính 07 xã/phường bao gồm: xã Kim Thành, xã Hà Nam, xã Hà Bắc, xã Thanh Hà, xã Hà Tây, phường Ái Quốc, phường Nam Đồng - thành phố Hải Phòng.

Về hướng tuyến: Hướng tuyến tuân thủ theo hướng tuyến đã được xác định trong đồ án Quy hoạch điều chỉnh thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt tại Quyết định số 5455/QĐ-UBND ngày 31/12/2025, Quy hoạch điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 1944/QĐ-UBND ngày 26/5/2026 và số 2630/QĐ-UBND ngày 10/7/2026. Tuyến cụ thể được xác định trên nguyên tắc giảm tối đa GPMB, tránh trường học (trường THCS Hồng Phong, phường An Phong), tránh các khu vực tôn giáo tâm linh như nhà thờ, miếu, chùa.... (chùa Đồng Khánh, phường An Phong; nhà thờ Đồng Kênh, miếu Vàng - xã Kim Thành; đền Mẫu Yết Kiêu, đền thờ Phụ thân tướng Nguyễn Hữu Cầu dọc ĐT.390 - xã Hà Tây; quán Hà Đông, phường Ái Quốc;...). Cụ thể:

- Tuyến xuất phát tại nút giao Quốc lộ 10 (Km27+800) với đường Nguyễn Trường Tộ và đường vào KCN An Dương đi về phía Tây cắt qua sông Rế và đi dọc theo hàng rào khu công nghiệp An Dương; sau đó tuyến ngoặt trái cắt qua Quốc lộ 17B (Km2+320 theo lý trình tuyến chính); tuyến cắt qua khu vực đất trồng, hiện đã được quy hoạch trong Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp phụ trợ An Dương đã được cấp phép đầu tư đang thực hiện GPMB; tuyến vượt sông Cỏ Bồng (kênh Hòa Phong) và đường Tỉnh Thủy ở Km3+100 sang địa bàn xã Kim Thành.
- Trên địa bàn xã Kim Thành tuyến đi theo Quy hoạch điều chỉnh được duyệt, đi sang phía trái của Nhà thờ Đồng Kênh, ngoặt phải cánh tuyến thẳng cắt qua KCN Kim Thành 2 giai đoạn 1 (đi về phía Nam, gần như song song với đường trục KCN Kim Thành 2, cách tim khoảng 340m). Tuyến cắt ngang đường trục xã Liên Hòa cũ ở Km9+100, ngoặt phải vượt sông Rạng (sông Lai Vu) ở Km10+800 bên cạnh về phía Bắc cống thủy lợi (cống Thiều Liều) sang địa bàn xã Hà Nam (xã Thanh Xuân cũ); sau đó vượt sông Hương ở Km13+500 sang địa bàn xã Thanh Hà (xã Thanh Xá cũ).
- Tuyến đi tiếp vượt sông Hương về phía Tây Bắc, sau đó cắt qua sông Hương ở Km15+730 sang địa bàn xã Hà Bắc (xã Cẩm Chế cũ), cắt qua ĐT.390B tránh Thanh Hà đang thi công ở Km16+420, sau đó tuyến ngoặt trái cắt qua ĐT.390B hiện tại ở Km17+280 về phía Bắc sân vận động của xã.
- Tuyến tiếp tục vượt sông Hương ở Km17+600 sang địa bàn xã Thanh Hà, cắt qua một phần về phía Nam của Khu du lịch sinh thái Sông Hương. Tuyến tiếp tục đi thẳng sang địa bàn xã Hà Bắc, dọc theo sông Hương về phía Bắc của Đền Mẫu Yết Kiêu.
- Qua kênh thủy lợi tuyến sang địa bàn phường Ái Quốc, ngoặt phải cắt qua

Km20+050/ĐT.390 hiện tại ở khoảng Km21+130; tuyến tiếp tục đi thẳng nối với đường vành đai I thành phố Hải Dương và đường dẫn cầu Bùi Thị Xuân theo quy hoạch.

1.2.2. Quy mô, công suất

a) Quy mô đầu tư:

Xây dựng tuyến đường có chiều dài khoảng 20,4 km đảm bảo tuân thủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật của đường trục chính đô thị (theo QCVN 07:2023/BXD); tốc độ thiết kế tuyến chính $V=100\text{km/h}$, quy mô 06 làn xe, $B_{\text{nền}} = 45,0\text{m}$.

b) Nhóm dự án: nhóm A.

c) Tổng mức đầu tư: 15.117,605 tỷ đồng.

1.3. Công nghệ sản xuất

Sau khi đi vào vận hành, Dự án là công trình giao thông công cộng phục vụ hoạt động đi lại của người dân trong khu vực.

Các hoạt động trong giai đoạn vận hành bao gồm vận hành dòng xe trên tuyến đường là nguồn phát sinh các tác động đến môi trường.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình

Các hạng mục công trình của Dự án bao gồm:

Các hạng mục công trình chính:

- Xây dựng tuyến đường có chiều dài khoảng 20,4 km đảm bảo tuân thủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật của đường trục chính đô thị (theo QCVN 07:2023/BXD); tốc độ thiết kế tuyến chính $V=100\text{km/h}$, quy mô 06 làn xe, $B_{\text{nền}} = 45,0\text{m}$.
- Xây dựng đường bên quy mô $B_{\text{mặt}}/B_{\text{nền}} = 7,0\text{m}/8,5\text{m}$ với chiều dài khoảng 20,4 km.
- Xây dựng 04 nút giao gồm: (1) Nút giao đường trục Đông Tây Kim Thành (Km5+450); (2) Nút giao đường trục xã Kim Thành (xã Liên Hòa cũ) tại Km9+100; (3) nút giao ĐT.390B tránh Thanh Hà (Km16+420) và ĐT.390B (Km17+280); (4) Nút giao cuối tuyến đường Vành đai I thành phố Hải Dương cũ với đường dẫn cầu Bùi Thị Xuân (Km23+589,4).
- Xây dựng 08 cầu trên tuyến trong đó:
 - o Cầu vượt tại nút giao đường trục Đông Tây Kim Thành (Km5+450) dài 205,2m.
 - o Cầu sông Rạng/sông Lai Vu (Km10+800) dài 898,5 m.
 - o Cầu sông Hương số 01 (Km13+540) dài 290,2 m

- Cầu sông Hương số 02 (Km15+740) gồm Cầu sông Hương số 02 trên tuyến chính dài 287,7m và cầu sông Hương số 02 trên hai đường bên dài 290,2m.
- Cầu vượt tại nút giao ĐT.390B tránh Thanh Hà (Km16+420) dài 205,2m
- Cầu sông Hương số 03 (Km17+640) gồm Cầu sông Hương số 03 trên tuyến chính dài 552,7m và cầu sông Hương trên số 03 trên hai đường bên dài 290,2m.
- Cầu qua kênh (Km20+820) dài 45,2m
- Cầu vượt tại nút giao đường Vành đai 1 thành phố Hải Dương cũ (Km23+620) dài 142,2m.
- Xây dựng 05 cầu vượt ngang đường.
- Xây dựng 02 hầm chui dân sinh tại Km7+925; Km19+520.
- Xây dựng đường dân sinh và đường gom dọc tuyến với chiều dài khoảng 6.485m, bề rộng đường $B = 4,5 - 12,0\text{m}$.
- Xây dựng hệ thống chiếu sáng khu vực nút giao.

Công trình phụ trợ:

- Hệ thống chiếu sáng, biển báo hiệu, an toàn giao thông.
- Hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang, cải mương: Xây dựng 53 cống thoát nước ngang trên tuyến, gồm: 26 cống hộp và 27 cống tròn các loại.

Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường:

Hoạt động khai thác vật liệu xây dựng, giải phóng mặt bằng và xây dựng khu tái định cư.

1.4.1.1. Phần đường

Xây dựng tuyến đường có chiều dài khoảng 20,4 km đảm bảo tuân thủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật của đường trục chính đô thị (theo QCVN 07:2023/BXD); tốc độ thiết kế tuyến chính $V=100\text{km/h}$. Đối với đường bên thiết kế tương đương đường chính khu vực, tốc độ thiết kế $V=60\text{km/h}$.

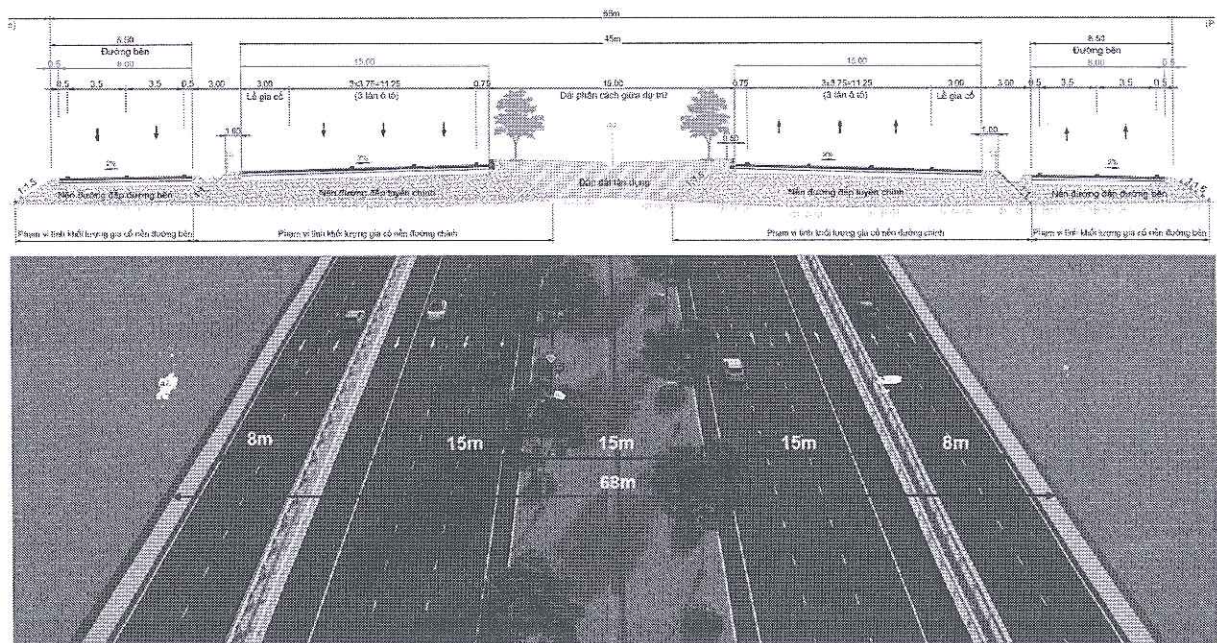
a. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Thiết kế theo Quy mô đường trục chính đô thị (theo QCVN 07:2023/BXD); tốc độ thiết kế tuyến chính $V=100\text{km/h}$. Đối với đường bên thiết kế tương đương đường chính khu vực, tốc độ thiết kế $V=60\text{km/h}$.

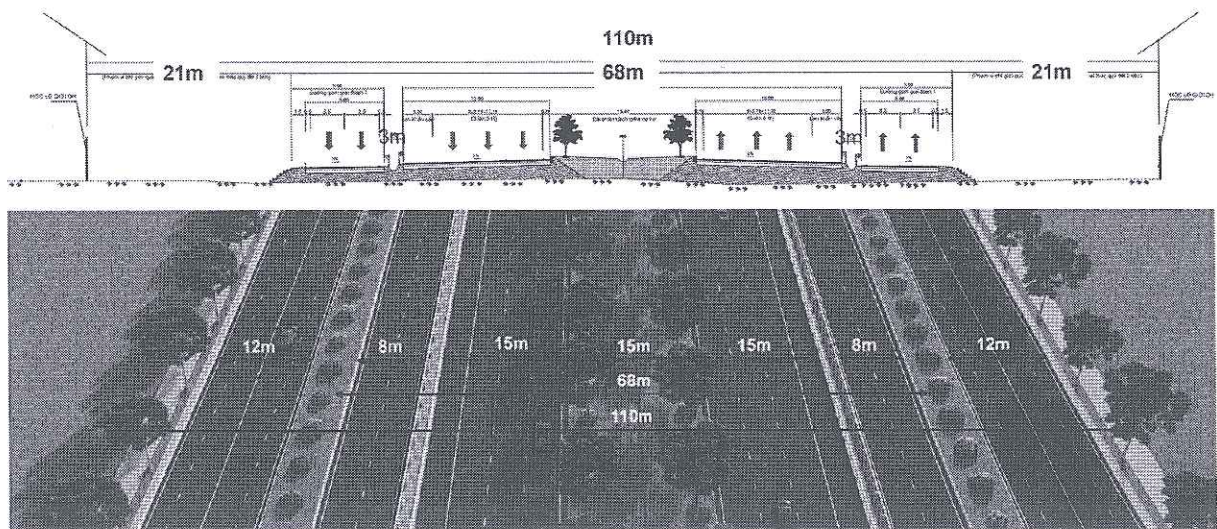
b. Quy mô mặt cắt ngang

Mặt cắt ngang đường được thiết kế với chiều rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 68\text{m}$, dự trữ hành lang để phát triển tương lai $Blg = 110\text{m}$. Cụ thể:

- Đường chính: 6 làn xe ô tô cho 2 chiều; chiều rộng mặt đường 2x15m (dải an toàn 0,75m+03 làn xe 3,75m+lề đường 3,0m).
- Đường song hành 2 bên lưu thông một chiều, mỗi chiều xe chạy 2 làn xe: 2x8,5m (8m mặt đường gồm 2 làn x 3,5m + dải an toàn 2x0,5m và 0,5m lề đường).
- Chiều rộng dải phân cách giữa: 15m (dự trữ cho bố trí phát triển các phương thức khai thác giao thông công cộng trong tương lai).
- Dải phân cách giữa đường song hành và đường chính: Tối thiểu 2x3,0m (để bố trí rãnh thoát nước dọc, trụ công trình cầu vượt ngang do yêu cầu bắt buộc không bố trí trụ cầu trên dải phân cách giữa dự trữ dự kiến phát triển giao thông công cộng trong tương lai).



Hình 1. Mặt cắt ngang điển hình tuyến đường



Hình 2. Mặt cắt ngang điển hình cấm lộ giới dự trữ 110m

Trong phạm vi dự án, xây dựng đường gom dọc tuyến tại khu vực cắt qua Cụm Công

nghiệp phụ trợ Trảng Duệ và tại một số khu vực hoàn trả đường địa phương để đảm bảo đi lại thuận tiện của người dân khu vực.

c. Thiết kế trắc dọc

- Cao độ thiết kế đường chính (ngoại trừ đoạn đầu cầu) dao động khoảng từ 2,60 - 3,35m tùy theo các đoạn tuyến.
- Độ dốc dọc tối đa thiết kế của các cầu trên tuyến 4%. Riêng vị trí cầu vượt tầng 3 theo hướng Đông Tây tại nút giao Quốc lộ 10 dành cho xe ô tô, do yêu cầu không chế vị trí cầu sông Rế trên đường Nguyễn Trường Tộ để giữ nguyên cầu, không mở rộng cầu, để đảm bảo đường dẫn vượt nối về trước mô cầu, thiết kế độ dốc dọc 5%.
- Cao độ đường đỏ ngoại trừ các đoạn đắp cao đầu cầu, cao độ trong khoảng từ 2,65 - 3,35m.

d. Thiết kế nền đường và mái taluy

d1. Nền đắp thông thường

- Về vật liệu đắp lớp nền thượng K98: Sử dụng đắp đất đồi và đắp cát kết hợp vãi địa kỹ thuật ngăn cách.
- Về vật liệu đắp bao ta luy: Sử dụng vật liệu đào đất không thích hợp của dự án để tận dụng.
- Trước khi đắp nền đường tiến hành vét đất không thích hợp đối với đoạn không xử lý nền với chiều sâu vét trung bình 30-50cm (trong đó trung bình 25cm trên mặt là đất trồng lúa).
- Đối với nền đường cạp mở rộng, khi nền đất tự nhiên bên dưới khuôn kết cấu áo đường và lớp K98 không đảm bảo độ chặt K95 hoặc đất không phù hợp để đảm bảo chặt $K \geq 0,95$ cần tiến hành đào thay đất đến hết phạm vi tác dụng của nền đường.
- Độ dốc mái ta luy đắp 1:1,5, ta luy đào 1:1,0, mái taluy nền đắp được trồng cỏ bảo vệ và tạo cảnh quan.

d2. Nền đắp trên đất yếu

Các giải pháp xử lý đất yếu như sau:

- (1) Thay đất (TĐ) hoặc thay đất kết hợp cọc tre (TĐ+CT).
- (2) Trụ đất gia cố xi măng (CDM).

e. Thiết kế mặt đường

- ❖ **Kết cấu mặt đường tuyến chính:** Đáp ứng yêu cầu mô đun đàn hồi yêu cầu $\geq 190\text{Mpa}$

- Bê tông nhựa chặt polime 16 (BTN16) dày 5cm; Tưới nhũ tương polime dính bám $0,5\text{kg/m}^2$.
 - Bê tông nhựa chặt 19 (BTNC19) dày 7cm; Tưới nhựa dính bám $0,5\text{kg/m}^2$.
 - Hỗn hợp bán rỗng 25 (HHBR 25) dày 10cm; Tưới nhựa dính bám $1,0\text{kg/m}^2$.
 - Cấp phối đá dăm gia cố xi măng dày 17cm.
 - Cấp phối đá dăm loại 2 dày 36cm.
- ❖ **Kết cấu mặt đường bên: Kết cấu mặt đường có mô đun đàn hồi tối thiểu $E_{yc} = 155\text{Mpa}$.**
- Kết cấu áo đường bên gồm các lớp có chiều dày như sau (KC2):
- Bê tông nhựa chặt 16 dày 5cm; Tưới nhựa dính bám $0,5\text{kg/m}^2$.
 - Bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm. Tưới nhựa thấm bám $1,0\text{kg/m}^2$.
 - Cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm.
 - Cấp phối đá dăm loại 2 dày 35cm.
- ❖ **Kết cấu hè đường, bó vỉa**
- Hè đường: Sử dụng gạch bê tông giả đá.
 - Bó vỉa hè, đan rãnh: Đá tự nhiên.

1.4.1.2. Nút giao

Dự án tiến hành xây dựng 04 nút giao gồm: (1) Nút giao đường trục Đông Tây Kim Thành (Km5+450); (2) Nút giao đường trục xã Kim Thành (xã Liên Hòa cũ) tại Km9+100; (3) Nút giao ĐT.390B tránh Thanh Hà (Km16+420) và ĐT.390B (Km17+280); (4) Nút giao cuối tuyến đường Vành đai I thành phố Hải Dương cũ với đường dẫn cầu Bùi Thị Xuân (Km23+589,4).

02 Nút giao gồm (1) Nút giao ĐT.388 quy hoạch mới (Km12+500); (2) Nút giao Quy hoạch đường Vành đai V - Vùng Thủ đô và ĐT.390 (Km21+130) chưa được đầu tư trong Dự án này.

Cụ thể giải pháp thiết kế các nút giao như sau:

a. Nút giao đường trục Đông Tây Kim Thành (Km5+450)

Thiết kế nút giao ngã ba khác mức có cầu vượt trục thông trên tuyến chính ; các hướng khác tổ chức giao thông dạng đảo xuyên ở tầng 1. Bên cạnh đó, thiết kế đường gom hai bên kết nối với nút giao để phục vụ đi lại của dân cư trong khu vực cũng như kết nối Khu công nghiệp Kim Thành 2 với tuyến đường.

b. Nút giao đường trục xã Kim Thành (đường trục xã Liên Hòa cũ), Km9+100

Thiết kế nút giao ngã tư khác mức dạng bán hoa thị đối xứng tâm. Cầu vượt theo

hướng đường trục xã có chiều rộng $B_{\text{cầu}} = 12,0\text{m}$ để đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài. Đường chính kết nối với đường trục xã thông qua 2 nhánh hoa thị về phía Tây Bắc và Đông Nam của nút giao. Quy mô mặt cắt ngang các nhánh rộng $B_{\text{nền}}/B_{\text{mặt}} = 12\text{m}/11\text{m}$.

c. Nút giao ĐT.390B tránh Thanh Hà (Km16+420) và ĐT.390B (Km17+280).

Xây dựng nút giao khác mức tại ĐT.390B tránh Thanh Hà, ĐT.390B. Cầu vượt dọc theo lối đường chính qua phạm vi nút giao, đoạn giữa các cầu xây dựng tường chắn.

Đoạn đường kẹp giữa các cầu Sông Hương 2 – cầu vượt ĐT.390B tránh Thanh Hà, giữa cầu vượt ĐT.390B tránh Thanh Hà – cầu vượt ĐT.390B xây dựng nền đường đắp có tường chắn bằng BTCT ở hai bên giáp với đường bên trên chiều dài khoảng 1,1km, chiều rộng nền đường tương đương chiều rộng cầu vượt ($B=16\text{m}$ cho mỗi chiều xe chạy).

Quy mô chiều dài và chiều rộng của các nhánh cầu trên đường bên ở cầu Sông Hương 2 và Sông Hương 3 chiều rộng mỗi đơn nguyên 16m, chiều dài cầu 2.246 m.

d. Nút giao cuối tuyến giao đường Vành đai I thành phố Hải Dương cũ (Km23+620)

Xây dựng nút giao khác mức hoa thị hoàn chỉnh.

- Xây dựng cầu vượt nhánh theo hướng tuyến chính trục Đông Tây đi cầu Bùi Thị Xuân vượt qua đường Vành đai I, quy mô 6 làn xe (chưa bao gồm làn tăng/giảm tốc kết nối các nhánh);
- Xây dựng 4 nhánh hoa thị trong nút giao và 4 nhánh rẽ phải (đường nhánh).

Yếu tố hình học các nhánh rẽ được lựa chọn để đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật (tốc độ thiết kế hướng đi thẳng $V=80\text{km/h}$, các hướng rẽ trái gián tiếp và rẽ phải $V=40\text{km/h}$, hướng rẽ phải $V=60\text{km/h}$).

1.4.1.3. Hoàn trả đường gom, đường dân sinh

Xây dựng một số đoạn đường gom dân sinh hoàn trả dọc tuyến, nằm ngoài đường bên. Chiều rộng đường dân sinh phù hợp hiện trạng và phù hợp với điều kiện khai thác giao thông.

Bảng 1. Thống kê các đoạn đường dân sinh và đường gom dọc tuyến

TT	Lý trình	Chiều dài (m)	Địa bàn	Loại đường, quy mô
1	Km4+860 - Km5+470 trái tuyến	610	Xã Kim Thành	Đường gom 2 chiều $B_{\text{mặt}}=12\text{m}$, $B_{\text{hè}}=5\text{m}$
2	Km5+030 - Km5+380 phải tuyến	350	Xã Kim Thành	Đường gom 2 chiều $B_{\text{mặt}}=12\text{m}$, $B_{\text{hè}}=5\text{m}$

Tham vấn trong quá trình thực hiện Đánh giá tác động môi trường

TT	Lý trình	Chiều dài (m)	Địa bàn	Loại đường, quy mô
3	Km5+470 - Km6+100 trái tuyến (nối đường gom khu công nghiệp Kim Thành 2)	630	Xã Kim Thành	Đường gom 2 chiều $B_{mặt}=12m$, $B_{hè}=5m$
4	Km10+300 - Km10+620 2 bên trái và phải tuyến	640	Xã Kim Thành	Đường nối lên đê 1 chiều nối đê tả sông Rạng. $B_{nền}=5,5m$, $B_{mặt}=4,5m$
5	Km11+360 - Km11+680 2 bên trái và phải tuyến	640	Xã Kim Thành	Đường nối lên đê 1 chiều nối đê hữu sông Rạng. $B_{nền}=5,5m$, $B_{mặt}=4,5m$
6	Km13+140 - Km13+420 2 bên trái và phải tuyến	400	Xã Hà Nam	Đường nối với đường dọc sông Hương 1 chiều. $B_{nền}=5,5m$, $B_{mặt}=4,5m$
7	Km13+625 - Km13+900 2 bên trái và phải tuyến	550	Xã Hà Nam	Đường nối với đường dọc sông Hương 1 chiều. $B_{nền}=5,5m$, $B_{mặt}=4,5m$
8	Km13+625 - Km13+980 phải tuyến	355	Xã Thanh Hà	Đường dân sinh hoàn trả đường cũ 2 chiều. $B_{nền}=9,0m$, $B_{mặt}=8,0m$
9	Km15+260 - Km15+600 2 bên trái và phải tuyến	660	Xã Thanh Hà	Đường nối với đường dọc sông Hương 1 chiều. $B_{nền}=5,5m$, $B_{mặt}=4,5m$
10	Km15+830 - Km16+120 2 bên trái và phải tuyến	600	Xã Hà Bắc	Đường nối với đường dọc sông Hương 1 chiều. $B_{nền}=5,5m$, $B_{mặt}=4,5m$
11	Km17+690 - Km18+040 2 bên trái và phải tuyến	700	Xã Thanh Hà	Đường nối với đường dọc sông Hương 1 chiều. $B_{nền}=5,5m$, $B_{mặt}=4,5m$
12	Đường nhánh nối Đường Vàng với đường vành đai 1	350	Phường Ái Quốc	$B_{nền}=9,0m$, $B_{mặt}=8,0m$
	Tổng	6.485m		

1.4.1.4. Phần cầu

a. Tiêu chuẩn thiết kế

- Công trình cầu thiết kế bằng bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực theo các tiêu chuẩn TCVN 11823-1:2017 đến TCVN 11823-14:2017 “Thiết kế cầu đường bộ”.
- Tải trọng thiết kế HL93.
- Tĩnh không thông thuyền:

- Cầu sông Rạng/sông Lai Vu (Km10+800): có tính không thông thuyền BxH = (40x7)m tương ứng sông cấp III theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/202; Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định số 1062/QĐ-BXD ngày 29/6/2026 và quy định tại TCVN 5664:2009.
- Cầu sông Hương (tại 03 vị trí Km13+540, Km15+740, Km17+600): Sông Hương thuộc hệ thống sông nội đồng chảy từ cống Tiền Trung ra sông Gù, cấp nước cho toàn bộ hoạt động sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản của huyện Thanh Hà cũ; được quy hoạch phục vụ tuyến du lịch đường thủy dọc sông. Cầu được thiết kế tính không thông thuyền BxH = (10x3)m tương đương sông cấp VI, tương tự cầu vượt sông Hương trên tuyến ĐT.390B tránh Thanh Hà đang thi công.
- Các cầu khác như cầu sông Rế, cầu kênh Km20+850,... không thông thuyền.
- Tính không đứng vượt đường bộ:
 - Các cầu trong nút giao cũng như cầu vượt các đường ngang được thiết kế đảm bảo chiều cao vượt $H \geq 4,75\text{m}$;
 - Cầu sông Rạng vượt qua đê Tả chiều cao $H \geq 4,75\text{m}$ và đường cải tạo đê chiều cao $H \geq 4,75\text{m}$;
 - Cầu sông Hương: theo quy hoạch, đường dọc sông Hương có chiều rộng mặt cắt ngang đường $B=17,5\text{m}$ (mặt đường $7,5\text{m}$ + hè đường $2 \times 5,0\text{m}$). Để đáp ứng khai thác lâu dài, thiết kế đường chui dưới cầu đảm bảo tính không đứng $H=4,5\text{m}$.
- Về tính không đứng của các cầu vượt ngang trên tuyến (cầu vượt ngang tại các nút giao và đường ngang dân sinh):
- Đối với đường bên và đường gom trong tương lai: đáp ứng tính không đứng $H=4,75\text{m}$;
- Đối với dải dự trữ ở giữa để bố trí giao thông công cộng trong tương lai, như đã phân tích ở trên, tính không đứng $H=6,5\text{m}$ tính từ đỉnh mặt đường hiện tại để có thể khai thác được trường hợp sử dụng đường sắt đô thị, cấp nguồn điện xoay chiều trên cao, tính không yêu cầu $6,3\text{m} + 0,2\text{m}$ dự kiến độ chênh từ đỉnh mặt đường đến đỉnh ray).

b. Kết quả thiết kế

- Kết cấu móng cọc móng, trụ cầu: Cọc khoan nhồi. Đường kính cọc D1,2m - D1,5m.
- Móng tường chắn: Cọc BTCT đúc sẵn.

Bảng 2. Giải pháp thiết kế cầu trên tuyến

TT	Tên công trình	Mô tả phương án	Các thông số thiết kế
1	Cầu vượt tại nút giao đường trục Đông Tây Kim Thành (Km5+450)	Cầu gồm 2 đơn nguyên trái và phải vượt qua nút giao vòng xuyên. Kết cấu cầu gồm 5 nhịp dầm Super T chiều dài 40m.	- Chiều dài cầu ~205,2m. - Chiều rộng cầu mỗi đơn nguyên 16,0m. - Đường dẫn đầu cầu bằng tường chắn BTCT trên nền cọc BTCT và nền gia cố cọc xi măng đất.
2	Cầu sông Rạng/sông Lai Vu (Km10+800)	Cầu vượt sông Rạng và vượt qua đê tả sông Rạng và đường cải tạo đê hữu đảm bảo tĩnh không 4,75m; tĩnh không thông thuyền đáp ứng sông cấp III với BxH = (40x7)m. Cầu gồm 2 đơn nguyên trái và phải. Cầu nhịp chính dự kiến bằng BTCT DUỖ ĐÚC hẫng sơ đồ (55+90+55)m; cầu dẫn sử dụng nhịp Super T chiều dài 39-40m.	- Chiều dài cầu ~898,5m. - Chiều rộng cầu mỗi đơn nguyên 24,5m, tổ chức giao thông cho cả đường chính và đường bên. - Đường dẫn đầu cầu được gia cố cọc xi măng đất để đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.
3	Cầu sông Hương số 01 (Km13+540)	Cầu vượt sông Hương với tĩnh không thông thuyền BxH=(10x3)m tương tự cầu đang thi công trên ĐT.390B tránh TT. Thanh Hà (cũ). Kết cấu cầu: gồm 7 nhịp dầm BTCT DUỖ Super T, chiều dài nhịp 40m. Cầu gồm 2 đơn nguyên cách nhau 14m. Đường dọc sông cả 2 bờ chui dưới cầu với tĩnh không BxH = (7,5x4,5)m.	- Chiều dài cầu ~290,2m. - Chiều rộng cầu mỗi đơn nguyên 24,5m, tổ chức giao thông cho cả đường chính và đường bên.
4	Cầu sông Hương số 02 (Km15+740)		
4.1	Cầu sông Hương số 02 trên tuyến chính	Thiết kế cầu ở đường chính gồm 2 đơn nguyên vượt sông Hương (Km15+740), cách nhau 14m. Cầu vượt sông Hương với tĩnh không thông thuyền BxH=(10x3)m	- Chiều dài cầu ~287,7m. - Chiều rộng cầu mỗi đơn nguyên 16m, tổ chức giao thông cho ô tô trên

TT	Tên công trình	Mô tả phương án	Các thông số thiết kế
		tương tự cầu đang thi công trên ĐT.390B tránh TT. Thanh Hà (cũ). Đường dọc sông cả 2 bờ chui dưới cầu với tính không BxH = (7,5x4,5)m. Kết cấu cầu: gồm 7 nhịp dầm BTCT DƯỠ Super T, chiều dài nhịp 40m.	đường chính.
4.2	Cầu sông Hương số 02 trên hai đường bên	Cầu vượt sông Hương với tính không thông thuyền BxH=(10x3)m tương tự cầu đang thi công trên ĐT.390B tránh TT. Thanh Hà (cũ). Đường dọc sông cả 2 bờ chui dưới cầu với tính không BxH = (7,5x4,5)m. Kết cấu cầu: dự kiến bằng BTCT DƯỠ gồm 2 đơn nguyên nằm bên cạnh cầu tuyến chính. Kết cấu cầu: gồm 7 nhịp dầm BTCT DƯỠ Super T, chiều dài nhịp 40m.	- Chiều dài cầu ~290,2m. - Chiều rộng cầu mỗi đơn nguyên 12,0m, tổ chức giao thông cho các xe hỗn hợp hướng từ tuyến chính phía QL10 đi ĐT.390B mới, ĐT.390B cũ và ngược lại (0,5m dải an toàn + 3 làn xe x3,5m + 2x0,5m gờ lan can).
5	Cầu vượt tại nút giao ĐT.390B tránh Thanh Hà (Km16+420)	Thiết kế cầu ở đường chính gồm 2 đơn nguyên vượt ĐT.390B tránh Thanh Hà tại nút giao cho các xe ô tô chạy thẳng. Vượt qua nút giao tính không H = 4,75m. Cầu gồm 5 nhịp dầm BTCT DƯỠ Super T, chiều dài nhịp 40m.	- Chiều dài cầu ~205,2m. - Chiều rộng cầu mỗi đơn nguyên 16,0m. - Đường dẫn đầu cầu bằng tường chắn BTCT trên nền cọc BTCT.
6	Cầu sông Hương số 03 (Km17+640)		
6.1	Cầu sông Hương số 03 trên tuyến chính	Thiết kế cầu ở đường chính gồm 2 đơn nguyên vượt ĐT.390B hiện tại (Km17+280) và sau đó vượt tiếp sông Hương (Km17+640). Cầu gồm 14 nhịp dầm BTCT DƯỠ Super T, chiều dài nhịp 40m. Cầu vượt sông Hương với tính không thông thuyền BxH=(10x3)m tương tự cầu đang thi công trên ĐT.390B tránh TT. Thanh Hà (cũ). Đường dọc sông chui dưới cầu với tính không BxH = (7,5x4,5)m.	- Chiều dài cầu ~552,7m. - Chiều rộng cầu mỗi đơn nguyên 16,0m. - Đường dẫn đầu cầu bằng tường chắn BTCT trên nền cọc BTCT.

TT	Tên công trình	Mô tả phương án	Các thông số thiết kế
6.2	Cầu sông Hương trên số 03 trên hai đường bên	Cầu vượt sông Hương với tính không thông thuyền BxH=(10x3)m tương tự cầu đang thi công trên ĐT.390B tránh TT. Thanh Hà (cũ). Đường dọc sông bờ phía đi ĐT.390 chui dưới cầu với tính không BxH = (7,5x4,5)m. Cầu gồm 7 nhịp dầm BTCT DƯỠ Super T, chiều dài nhịp 40m.	- Chiều dài cầu ~290,2m. - Chiều rộng cầu mỗi đơn nguyên 12,0m để tổ chức giao thông cho các hướng từ tuyến chính phía Vành đai I đi ĐT.390B mới, ĐT.390B cũ và ngược lại (0,5m dải an toàn+3 làn xe x 3,5m + 2x0,5m gờ lan can).
7	Cầu qua kênh (Km20+820)	Cầu gồm 2 đơn nguyên trái/phải trên đường chính và 2 đơn nguyên trái/phải trên đường bên. Kết cấu cầu gồm 1 nhịp dầm I chiều dài 33m.	- Chiều dài cầu ~45,2m. - Chiều rộng cầu đường chính mỗi đơn nguyên 26m (cho cả đường chính và đường bên cùng cao độ).
8	Cầu vượt tại nút giao đường Vành đai 1 thành phố Hải Dương cũ (Km23+620)	Cầu vượt gồm 2 đơn nguyên vượt qua đường vành đai I thành phố Hải Dương cũ với tính không đứng 4,75m. Cầu giáp khu trung tâm đô thị phía Tây thành phố, để nâng cao tính mỹ quan, đề xuất sử dụng kết cấu dầm bán rỗng BTCT DƯỠ đổ tại chỗ, chiều dài nhịp 30-35m. Cầu gồm 4 nhịp.	- Chiều dài cầu ~142,2m. - Chiều rộng cầu mỗi đơn nguyên 18m để bố trí thêm làn tăng giảm tốc tại nút giao. - Đường dẫn đầu cầu được xử lý nền bằng cọc đất gia cố xi măng.

Bảng 3. Thống kê các cầu vượt ngang đường trên tuyến

TT	Tên công trình	Mô tả phương án	Các thông số thiết kế
1	Cầu vượt ngang hoàn trả đường Tỉnh Thủy, Km3+380	Đường Tỉnh Thủy hiện tại có chiều rộng mặt đường 6,5m+hè đường 2x1,5m. Để giảm chi phí đầu tư xây dựng, thiết kế hoàn trả bằng cầu vượt ngang, đường dẫn kết nối đường hiện tại. Đường cũ kết nối với đường bên của dự án. Cầu nằm trên đường cong nằm bán kính nhỏ, do đó sử dụng dầm hộp thép, chiều dài nhịp 35-50m.	- Chiều dài cầu ~307,2m. - Chiều rộng cầu 9m (mặt đường xe chạy 8m + gờ lan can 2x0,5m).
2	Cầu vượt ngang hoàn trả đường	Để giảm chi phí đầu tư xây dựng, thiết kế hoàn trả bằng cầu vượt	- Chiều dài cầu ~230,2m.

TT	Tên công trình	Mô tả phương án	Các thông số thiết kế
	dân sinh, Km4+400	ngang, đường dẫn kết nối đường hiện tại. Cầu gồm 5 nhịp dầm Super T chiều dài 40m, riêng nhịp giữa mở rộng xà mũ để vượt nhịp 50m.	- Chiều rộng cầu 9,0m (mặt đường xe chạy 8m + gờ lan can 2x0,5m).
3	Cầu vượt tại nút giao ĐH.09 đường trục xã Kim Thành (xã Liên Hòa cũ), Km9+100	Cầu vượt theo đường ngang vượt qua tuyến chính và đường bên, tìm cầu theo tìm đường cũ. Cầu gồm 6 nhịp dầm Super T chiều dài 40m, riêng nhịp giữa mở rộng xà mũ để vượt nhịp 50m.	- Chiều dài cầu ~270,2m. - Chiều rộng cầu 12,0m (mặt đường xe chạy 11m + gờ lan can 2x0,5m).
4	Cầu vượt đường dân sinh Km12+200	Hiện tại Dự án Cải tạo, nâng cấp đường huyện Cẩm Ché-Thanh Xuân đang được UBND xã Thanh Hà triển khai thi công theo thiết kế được duyệt với quy mô đường cấp IV đồng bằng, nền đường rộng 9m. Để đảm bảo kết nối 2 bên đường chính cho dân cư khu vực xã Thanh Xuân cũ, giảm thiểu chi phí GPMB, tiết kiệm chi phí đầu tư, Dự án sẽ xây dựng cầu vượt ngang kết nối với đường cũ, cầu vượt tránh khu dân cư. Cầu gồm 5 nhịp dầm Super T chiều dài 40m, riêng nhịp giữa mở rộng xà mũ để vượt nhịp 50m.	- Chiều dài cầu ~230,2m. - Chiều rộng cầu 9m (mặt đường xe chạy 8m + gờ lan can 2x0,5m).
5	Cầu vượt dân sinh Km23+200 (dọc teo đường Vàng)	Cầu vượt để phục vụ lưu thông các xe trên đường Vàng, thuộc phường Ái Quốc. Thiết kế cầu vượt ngang theo hướng tuyến Đường Vàng, có đường gom dọc cầu cho các nhà dân dọc tuyến và nhánh rẽ nối với đường bên. Kết cấu cầu: để đảm bảo chiều dài nhịp vượt tại nút giao, nhịp chính bằng BTCT DƯỠ ĐÚC hẫng cân bằng sơ đồ (45+70+45)m, các nhịp dẫn sử dụng dầm BTCT DƯỠ ĐÚC Super T chiều dài 40m.	- Chiều dài cầu ~323,5m. - Chiều rộng cầu 9,0m.

1.4.1.5. Hàm chui dân sinh

Trên cơ sở nguyên tắc bố trí Hàm chui dân sinh đã trình bày ở trên, kết quả thiết kế Hàm chui dân sinh dự kiến như sau:

Bảng 4. Kết quả thiết kế hàm chui dân sinh

TT	Tên công trình	Mô tả phương án	Các thông số thiết kế
1	Hàm chui dân sinh Km7+925	Xây dựng hàm chui dân sinh bằng BTCT, khẩu độ BxH=(6,0x3,5)m.	Hàm chui BxH=(6x3,5)m.
2	Hàm chui dân sinh Km19+520	Hàm chui dân sinh bằng BTCT, khẩu độ BxH=(4,0x3,0)m cho xe con, tải nhỏ và xe máy.	Hàm chui BxH=(4x3,0)m.

1.4.1.6. Công trình an toàn giao thông

Việc bố trí cọc tiêu, biển báo vạch sơn được thiết kế theo các quy định của QCVN 41:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ. Sơ đồ bố trí các biển báo và vạch sơn được thiết kế theo nguyên tắc:

- Tôn sóng: tôn sóng được bố trí dọc 2 bên tuyến và các nhánh ra vào nút giao;
- Bố trí cọc tiêu, hệ thống sơn phân làn, biển báo... theo quy định.

*1.4.2. Các hoạt động của Dự án đầu tư***a. Giai đoạn thi công, xây dựng**

- Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, lắp đặt công trường, đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thải, phế thải phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, hệ sinh thái động - thực vật dọc tuyến và có nguy cơ gây ngập úng, gián đoạn nguồn nước tưới, ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường bộ, đường thủy và tiềm ẩn nguy cơ sạt lở, sụt lún, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy, nổ...
- Hoạt động hoàn trả mặt bằng tại các vị trí bố trí công trường, lán trại thi công dọc tuyến.
- Hoạt động sinh hoạt của công nhân.

b. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến.
- Hoạt động vận hành, bảo trì, duy tu, sửa chữa nhỏ trên tuyến.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐCP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP: Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư

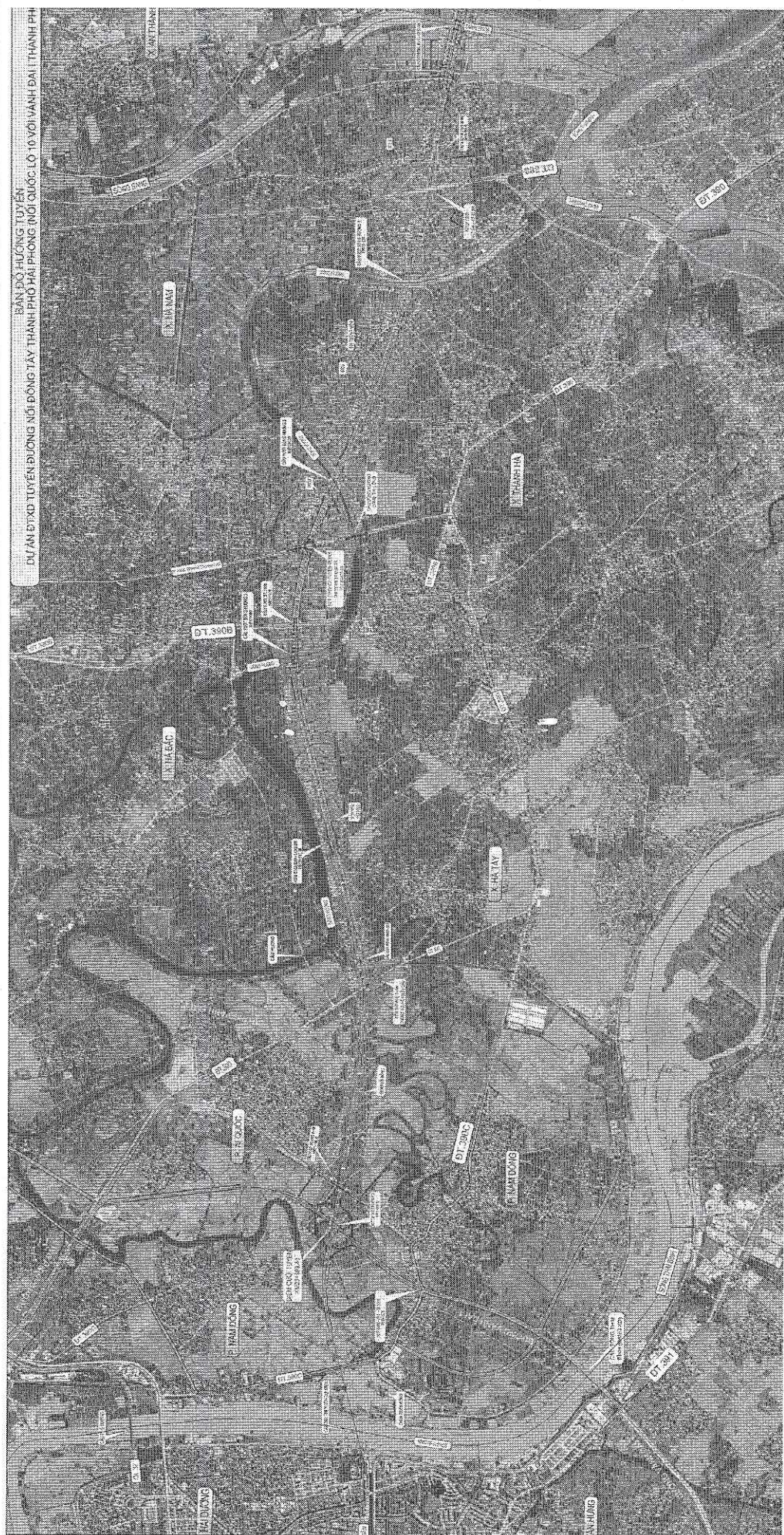
2.1.1. Vị trí, ranh giới dự án

Dự án thành phần độc lập 3: Xây dựng tuyến đường kết nối Đông Tây thành phố Hải Phòng, đoạn từ đường Tỉnh Thủy đến cuối tuyến (Km3+188 - Km23+589,40) thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Đông Tây thành phố Hải Phòng có tổng chiều dài tuyến khoảng 20,4 km, với:

- Điểm đầu: Km3+188, tại điểm cuối của Dự án thành phần 2.
- Điểm cuối: Km23+589,40, kết nối với nút giao đường vành đai 1 thành phố Hải Dương cũ với đường dẫn cầu Bùi Thị Xuân theo quy hoạch.

Phạm vi thực hiện Dự án nằm trong ranh giới địa lý hành chính 07 xã/phường bao gồm: xã Kim Thành, xã Hà Nam, xã Hà Bắc, xã Thanh Hà, xã Hà Tây, phường Ái Quốc, phường Nam Đồng, thành phố Hải Phòng.





Hình 3. Sơ đồ hướng tuyến của Dự án

2.1.2. Hiện trạng sử dụng và chiếm dụng đất

Dự án tiến hành giải phóng mặt bằng theo quy mô hoàn thiện theo phạm vi nền đường $B_{\text{nền}} = 110\text{m}$. Tổng diện tích chiếm dụng đất vĩnh viễn của Dự án khoảng 241,86 ha, bao gồm: 9,71 ha đất ở; 191,15 ha đất nông nghiệp; 16,8 ha đất giao thông, thủy lợi. Chi tiết xem bảng dưới đây.

Bảng 5. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của Dự án

TT	Hạng mục	Đơn vị	X. Kim Thành	X. Hà Nam	X. Thanh Hà	X. Hà Bắc	X. Hà Tây	P. Ái Quốc	P. Nam Đồng	Tổng cộng
1	Nhu cầu sử dụng đất:	ha	81,48	26,83	32,93	21,55	22,19	40,07	16,81	241,86
-	Đất ở	ha	3,78	2,32	2,52	0,11	0,75	0,18	0,05	9,71
-	Đất nông nghiệp	ha	61,77	19,96	24,61	16,90	20,21	32,74	14,96	191,15
-	Đất phi nông nghiệp:	ha	15,92	4,56	5,80	4,54	1,23	7,15	1,80	41
+	Đất SXKD, TMDV	ha	-	-	-	-	-	0,01	-	0,01
+	Đất khác (nghĩa trang, thủy lợi, giao thông,...)	ha	15,92	4,56	5,80	4,54	1,23	7,13	1,80	40,98
2	Số hộ dân di dời:									
-	Số hộ bị ảnh hưởng một phần	hộ	74	2	4	1	7	14	4	106
-	Số hộ di dời	hộ	256	94	74	11	15	1	-	451

Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi

2.1.3. Mối tương quan dự án với các đối tượng xung quanh và các đối tượng nhạy cảm xung quanh khu vực thực hiện dự án

Các khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường được trình bày tại bảng dưới đây.

Bảng 6. Thống kê các yếu tố nhạy cảm về môi trường

TT	Lý trình	Khoảng cách (*) (m)	Ghi chú
I	Đối tượng có yếu tố nhạy cảm về môi trường		
I.1	Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định số 05/2025/NĐ-CP nằm trên Phường của đô thị đặc biệt, đô thị loại I, II, III và IV	Không có	
I.2	Nguồn nước mặt được dùng cho mục đích sinh hoạt	Không có	
I.3	Khu bảo tồn thiên nhiên; đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ; khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, vùng đất ngập nước quan trọng, khu dữ trữ sinh quyển, di sản thiên nhiên thế giới	Không có	
I.4	Đất có rừng tự nhiên;	Không có	

Tham vấn trong quá trình thực hiện Đánh giá tác động môi trường

I.5	Khu di sản thế giới, khu di tích lịch sử ÷ văn hóa, khu danh lam thắng cảnh được xếp hạng cấp Quốc gia, Quốc gia đặc biệt	Không có	
-----	---	----------	--

Bảng 7. Các khu dân cư và các đối tượng bị ảnh hưởng khác

TT	Đối tượng	Lý trình	Khoảng cách tính từ ranh tuyến (m)	Ghi chú
I Các khu dân cư dọc tuyến				
1	KDC xã Kim Thành	Km4+172 - Km4+350	10 - 30	Dân cư tập trung bên phải tuyến
		Km4+700 - Km4+820	10 - 20	Dân cư tập trung hai bên tuyến
		Km5+050 - Km6+000	10 - 60	Dân cư tập trung bên trái tuyến
		Km5+200 - Km5+400	60	Dân cư tập trung bên phải tuyến
		Km7+300 - Km8+050	10 - 80	Dân cư tập trung hai bên tuyến
2	KDC xã Hà Nam	Km11+400 - Km11+470	10 - 30	Dân cư rải rác bên phải tuyến
		Km11+470 - Km12+060	20 - 70	Dân cư tập trung bên trái tuyến
		Km13+000 - Km13+200	50 - 90	Dân cư rải rác bên phải tuyến
3	KDC xã Thanh Hà	Km13+800 - Km14+000	10 - 60	Dân cư rải rác hai bên tuyến
		Km15+050	40	Dân cư rải rác bên trái tuyến
		Km15+300 - Km15+350	50 - 80	Dân cư rải rác bên phải tuyến
4	KDC xã Hà Bắc	Km15+900	20 - 35	Dân cư rải rác bên phải tuyến
5	KDC phường Ái Quốc	Km23+200	30	Dân cư rải rác bên phải tuyến
II Các đối tượng khác				
1	Ao	Km3+188 - Km4+172	Cắt qua	
2	Đất nông nghiệp	Km4+350 - Km4+700; Km4+820 - Km7+850; Km8+050 - Km12+000; Km12+060 - Km13+800; Km14+000 - Km23+589,4	Cắt qua	

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư

2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

2.2.1.1. Nước thải, khí thải

a) Nguồn phát sinh, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của 50 công nhân trên công trường với lượng thải khoảng $5,0\text{m}^3/\text{ngày}/\text{công trường}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng là TSS, BOD₅, Amoni, Coliform...
- Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận tải ra vào công trường, máy móc thiết bị với tổng thải lượng dự báo khoảng $9,0\text{ m}^3/\text{ngày}/\text{công trường}$ và từ hoạt động của trạm trộn bê tông khoảng $17,0\text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm/trạm trộn. Thông số ô nhiễm đặc trưng là TSS, dầu mỡ khoáng...
- Nước thải phát sinh trong quá trình thi công đào đắp các hạng mục công trình chủ yếu phát sinh từ hoạt động đào taluy, thi công hố móng, hầm chui, khoan cọc nhồi... với thành phần ô nhiễm chính là đất, cát, chất rắn lơ lửng và một phần bentonite từ quá trình khoan. Thải lượng phát sinh khoảng $0,5\text{ m}^3/\text{ngày}/\text{công trường}$.

b) Nguồn phát sinh, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động bốc xếp, tập kết, vận chuyển đất đá thải, chất thải, nguyên vật liệu xây dựng... Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO₂, NO_x, VOC.
- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình xây dựng gồm vận hành các máy móc, thiết bị thi công, hàn, trải nhựa đường, sơn vạch kẻ đường... Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, NO_x, SO₂, CO, VOCs.
- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của trạm trộn bê tông xi măng. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

2.2.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của 50 công nhân trên công trường với khối lượng khoảng $40\text{kg}/\text{ngày}/\text{công trường}$. Thành phần chủ yếu là rau, củ, quả, thực phẩm thừa, giấy, túi nilon, vỏ hộp nhựa, vỏ chai thủy tinh, vỏ kim loại...

b) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động san ủi: 248 tấn.
- Khối lượng đất đào phát sinh từ các hạng mục thi công nền đường (bao gồm đường, nút giao, hệ thống hạ tầng kỹ thuật), hố móng hầm, hầm chui, cầu vượt dòng chảy và cầu vượt ngang là $1.470.912,7\text{ m}^3$, trong đó: khối lượng tái sử dụng từ đất đào là $715.720,7\text{ m}^3$ (sử dụng đắp nền đường cho dự án); đất hữu cơ bóc bề mặt đất lúa:

294.700 m³ (tận dụng để trồng cây xanh tại dải phân cách giữa và dải đắp đất dự trữ hai bên; tận dụng để trồng cỏ mái taluy trên diện tích trong phạm vi Dự án); đất đá đào không thích hợp: 460.492 m³ (đổ vào bãi đổ thải được chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng).

- Chất thải phát sinh do quá trình khoan cọc nhồi là đất lẫn bentonite: 15.726,1 m³.
- Chất thải rắn xây dựng do quá trình thất thoát, hao hụt nguyên vật liệu xây dựng và đất, cát, sạn tại bể lắng nước thải thi công và hệ thống thu gom nước mưa: 0,45 tấn.

c) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Hoạt động văn phòng tại công trường thi công; hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình phát sinh chất thải nguy hại với tổng khối lượng khoảng 25-30 kg/tháng/công trường thi công. Thành phần chủ yếu gồm: bóng đèn huỳnh quang thải, pin hỏng, linh kiện điện tử hỏng, giẻ lau dính dầu.

2.2.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công (xe tải, máy đào, máy đầm, máy xúc, máy trộn bê tông xi măng...) và các hoạt động thi công khoan, hàn, cắt, đào, đầm làm phát sinh tiếng ồn, rung chấn tiếng ồn, độ rung.

2.2.1.4. Các tác động khác

a) Tác động của việc chiếm dụng đất

Hoạt động thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất gây ảnh hưởng tới sinh hoạt, tâm lý, đời sống, thu nhập, việc làm, hoạt động kinh doanh, sản xuất và sinh kế của các cá nhân bị ảnh hưởng.

b) Tác động tới nguồn nước và khả năng cấp, thoát nước:

Hoạt động thi công Dự án có thể làm gián đoạn nguồn nước tưới do thi công cống thoát nước ngang đường với số lượng 53 cống trong đó khoảng 26 cống hộp và 27 cống tròn và cải mương 18.264 m dọc tuyến đường tiềm ẩn nguy cơ gây gián đoạn nguồn nước tưới, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của các xã, phường trong khu vực Dự án; việc bố trí các công trình tạm tại vị trí thi công cống gây cản trở dòng chảy; nguy cơ ngập úng cục bộ do cản trở dòng nước mưa chảy tràn.

c) Tác động tới hoạt động giao thông

Việc vận chuyển nguyên vật liệu, vật liệu đổ thải làm gia tăng phương tiện lưu thông trên các tuyến đường có thể gây ùn tắc giao thông tại các điểm giao cắt vào giờ cao điểm nhiều phương tiện lưu thông gây ảnh hưởng đến việc đi lại của người dân; tiềm ẩn nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông trong trường hợp mật độ giao thông lớn, phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, vật liệu đổ thải không được che chắn phát sinh bụi gây hạn chế tầm nhìn của người tham gia giao thông hoặc phương tiện vận chuyển

không được che chắn, đất cát rơi vãi, gặp trời mưa gây trơn trượt; trường hợp phương tiện vận chuyển chở quá tải trọng cho phép ảnh hưởng đến chất lượng tuyến đường vận chuyển.

d) Tác động của nước mưa chảy tràn

Nước mưa chảy tràn có khả năng ô nhiễm tập trung trên phần diện tích đang thi công xây dựng với lưu lượng khoảng 214,79 m³/ngày (trong ngày có lượng mưa lớn nhất). Thông số ô nhiễm chủ yếu là TSS, dầu mỡ khoáng.

đ) Tác động đến nước dưới đất

Hoạt động thi công trụ cầu trong lòng dòng chảy sông có sử dụng công nghệ khoan cọc nhồi và hoạt động thi công đào hầm, hầm chui có nguy cơ tràn nước mặt bản gây ô nhiễm nguồn nước dưới đất.

2.2.2. Giai đoạn vận hành

2.2.2.1. Nước thải, khí thải

a) Nguồn phát sinh, tính chất của nước thải

Không phát sinh.

b) Nguồn phát sinh, tính chất của bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông (sử dụng nhiên liệu đốt chủ yếu là xăng và dầu Diesel) ra vào khu vực dự án và hoạt động vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa tuyến đường. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, NO_x, SO₂, CO, VOC_s...

2.2.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

Không phát sinh.

b) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động xả thải chất thải rắn của phương tiện lưu thông trên tuyến đường, bùn nạo vét hố ga của hệ thống thoát nước mưa, thay thế biển báo hư hỏng, lá cây... làm phát sinh khoảng 3 m³/đợt bảo dưỡng.

c) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tuyến đường làm phát sinh khoảng 3kg/đợt. Thành phần chủ yếu là bóng đèn hỏng, vỏ hộp đựng sơn, giẻ lau dính dầu, cặn sơn.

2.2.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông ra vào Dự án phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

2.3.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

2.3.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt: bố trí các nhà vệ sinh di động dạng module nguyên khối bằng vật liệu composite, dung tích bể chứa nước thải $5\text{m}^3/\text{nghĩa}$ vệ sinh; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý theo quy định, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

- Nước thải từ quá trình rửa phương tiện vận chuyển: bố trí tại mỗi công trường thi công 01 hệ thống cầu rửa xe kích thước $L \times B \times H$ khoảng $(3,0 \times 2,0 \times 0,5)$ m, xung quanh đào rãnh để thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh thiết bị, dụng cụ thi công, phương tiện vận chuyển về hố lắng nước thải tạm thời (dung tích khoảng $18\text{m}^3/\text{hố}$) gồm 4 ngăn (bể gom có dung tích khoảng $3,0\text{ m}^3$, bể tách dầu mỡ dung tích khoảng $3,0\text{ m}^3$, bể lắng cặn dung tích khoảng $3,0\text{ m}^3$, bể chứa nước sau xử lý dung tích khoảng $9,0\text{ m}^3$) được đầm chặt, lót đáy bằng vải địa kỹ thuật để chống thấm, chống xói. Nước sau khi lắng và tách dầu được tái sử dụng vào mục đích vệ sinh phương tiện thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển, làm ẩm đất đá thải trước khi vận chuyển. Váng dầu được thu gom, lưu trữ, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại; thu gom, quản lý, đất, cát, cặn tại bể lắng theo quy định.

- Quy trình xử lý: nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công $\rightarrow$ Bể lắng 04 ngăn $\rightarrow$ Tách dầu $\rightarrow$ Lắng cặn $\rightarrow$ Nước rửa sau khi được lắng cặn sử dụng để vệ sinh phương tiện vận chuyển, làm ẩm vật liệu đất thải khi vận chuyển.

- Nước thải trạm trộn bê tông xi măng: Xây dựng 01 bể lắng cấu tạo 02 ngăn, dung tích khoảng $24\text{ m}^3/\text{bể}$ để thu gom, lắng cặn toàn bộ nước thải từ hoạt động của trạm trộn bê tông; nước thải sau khi lắng cặn được bơm lên bồn trộn để tái sử dụng toàn bộ cho hoạt động sản xuất bê tông (bể được gia cố đáy đảm bảo chống thấm, chống ngấm).

Quy trình xử lý: Nước rửa cối trộn $\rightarrow$ Bể lắng 02 ngăn $\rightarrow$ Lắng cặn $\rightarrow$ Tái sử dụng cho hoạt động trộn bê tông xi măng.

- Nước thải phát sinh trong quá trình thi công đào đắp các hạng mục công trình: Thu gom toàn bộ nước thải thi công thông qua hệ thống rãnh thoát nước tạm thời bố trí dọc theo khu vực thi công; không để nước thải chảy tràn ra môi trường xung quanh. Bố trí các hố lắng, bể lắng tạm thời tại từng khu vực thi công (gồm 2-3 ngăn) để lắng tách đất, cát và chất rắn lơ lửng trước khi thải ra môi trường. Đối với nước thải phát sinh từ quá trình khoan cọc nhồi có chứa bentonite, thực hiện thu gom riêng và xử lý lắng tách tại bể chứa chuyên dụng trước khi xả thải. Không xả nước thải chưa qua xử lý trực tiếp ra

kênh, ruộng, ao, hồ, sông, suối; chỉ xả ra môi trường sau khi đã qua lắng và bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường. Bố trí các biện pháp ngăn chặn bùn đất cuốn trôi như bao cát, rào chắn bùn tại các khu vực gần nguồn nước, khu vực có nguy cơ phát tán cao. Thực hiện nạo vét định kỳ bùn lắng tại các hố lắng; bùn thải được thu gom và xử lý theo quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng. Tận dụng nước sau lắng cho các hoạt động thi công như tưới ẩm, rửa thiết bị nhằm giảm thiểu lượng nước thải phát sinh. Tổ chức giám sát, kiểm tra thường xuyên việc thu gom, xử lý nước thải trong suốt quá trình thi công, bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Giai đoạn vận hành: Dự án không phát sinh nước thải trong giai đoạn vận hành.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển toàn bộ chất thải trong hầm tự hoại của các nhà vệ sinh di động và xử lý theo quy định, không xả nước thải sinh hoạt trực tiếp ra môi trường. Đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng được thu gom, xử lý đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường và quy định pháp luật có liên quan trước khi tái sử dụng vào mục đích vệ sinh phương tiện thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển, làm ẩm đất đá thải trước khi vận chuyển hoặc sử dụng cho trạm trộn bê tông.

2.3.1.2. Đối với thu gom và xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Yêu cầu các đơn vị tham gia thi công xây dựng Dự án thực hiện các biện pháp tổ chức thi công phù hợp, xây dựng nội quy đối với công nhân và nhà thầu thi công xây dựng tuân thủ các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường.
- Sử dụng phương tiện được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng tải trọng quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải, không để rơi rớt vật liệu; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh; phun nước làm ẩm khu vực tập kết nguyên vật liệu trước và sau quá trình tập kết và phun ẩm bề mặt trước khi đào đắp các công trình xây dựng với tần suất 01 lần/ngày, tăng tần suất trong mùa khô; lắp đặt các cầu rửa vệ sinh thiết bị, dụng cụ thi công và phương tiện vận chuyển tại mỗi công trường thi công, đảm bảo tất cả các phương tiện vận chuyển được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường.
- Sử dụng máy hút bụi trực tiếp để hút bụi, vệ sinh mặt đường trước khi thả nhựa mặt đường khi đi qua các khu dân cư; lựa chọn thời gian hút bụi phù hợp.
- Bãi chứa cấp liệu sử dụng để trộn bê tông được che chắn bằng các tấm quây bằng vải bạt để tránh phát tán bụi (tấm quây được bao quanh bãi chứa, chỉ chừa một mặt để chuyển vật liệu lên bằng chuyên); khi dùng xe ben để đổ vật liệu tại các bãi chứa, nếu

thấy bụi bốc lên, thực hiện ngay việc phun nước làm ẩm; không thực hiện nghiền đá tại công trường (đá hoặc sỏi theo tiêu chuẩn để trộn bê tông được mua tại các cơ sở có giấy phép hoạt động và cung ứng tại công trường); bố trí trạm trộn bê tông xi măng tại các vị trí xa khu dân cư, cuối hướng gió; thiết lập rào chắn cao 03m quanh khu vực các trạm trộn bê tông; tưới nước dập bụi với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày tại khu vực bố trí các trạm trộn bê tông xi măng (trừ những ngày mưa); lắp đặt các túi lọc bụi tại các silo xi măng tại trạm trộn bê tông xi măng.

b) Giai đoạn vận hành:

Các đơn vị nhận bàn giao quản lý, vận hành tuyến đường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện vệ sinh đường giao thông; chăm sóc cây xanh dọc 2 bên tuyến đường để giảm thiểu tiếng ồn, bụi, khí thải và tạo cảnh quan chung cho toàn bộ Dự án

c) Yêu cầu bảo vệ môi trường

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành của Dự án; thực hiện và giám sát các nhà thầu thi công trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng; bảo đảm môi trường không khí xung quanh Dự án luôn trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

2.3.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

2.3.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Đối với chất thải sinh hoạt: bố trí các thùng rác có nắp đậy màu sắc khác nhau đảm bảo theo quy định về phân loại chất thải tại nguồn để thu gom chất thải; chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý với tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

- Chất thải từ hoạt động nạo vét kênh/mương: Bùn nạo vét từ kênh mương, công trình thủy lợi phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế và quản lý theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Đối với chất thải rắn xây dựng: Xây dựng phương án sử dụng toàn bộ đất bóc bề mặt từ diện tích đất trồng lúa vào mục đích trồng cây theo quy định; tận dụng toàn bộ bùn đất phát sinh từ hoạt động đào nền đường để trồng cỏ mái taluy và đắp bao hai bên nền đường của Dự án trong giai đoạn thi công. Đối với đất đá đào không thích hợp, đất lẫn bentonite, chất thải từ hoạt động phá dỡ, chất thải rắn xây dựng khác thực hiện phân định, phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý, tái chế chất thải rắn xây dựng theo quy định tại các mục d, đ, e, g khoản 5 Điều 64 và Khoản 1 Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 11, Điều 12, Điều 13 Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố, cụ thể: chất thải rắn xây dựng thông thường đáp ứng

các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật được sử dụng trực tiếp làm vật liệu xây dựng, vật liệu san lấp, đất trồng cây và được quản lý như sản phẩm, hàng hóa; trường hợp không đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hướng dẫn kỹ thuật phải chuyển giao cho các đơn vị có chức năng để xử lý tái chế theo quy định pháp luật. Việc vận chuyển chất thải trong hoạt động xây dựng phải được thực hiện bằng phương tiện phù hợp, đảm bảo không làm rò rỉ, rơi vãi gây ô nhiễm môi trường.

b) Giai đoạn vận hành:

Các đơn vị nhận bàn giao quản lý, vận hành tuyến đường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện vệ sinh đường giao thông; thu gom, phân loại và chuyển giao chất thải rắn của phương tiện lưu thông trên tuyến đường, bùn nạo vét hố ga của hệ thống thoát nước mưa, thay thế biển báo hư hỏng, lá cây... cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: phân loại tại nguồn và quản lý, chuyển giao chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026, Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2.3.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng: phân loại, thu gom và lưu chứa từng loại chất thải nguy hại phát sinh bằng các thùng chứa riêng biệt, lưu giữ tại 01 kho chất thải nguy hại có diện tích 5m² đáp ứng các yêu cầu theo quy định về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026 trước khi chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành: Các đơn vị nhận bàn giao quản lý, vận hành tuyến đường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phân loại, thu gom, lưu giữ, chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án luôn được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu

về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2.3.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn xây dựng

Bố trí thời gian làm việc hợp lý; không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị gây ồn lớn vào cùng một thời điểm nhằm tránh cộng hưởng từ nhiều nguồn phát sinh tiếng ồn; hạn chế vận chuyển vật liệu vào giờ cao điểm, các xe vận chuyển không được chạy quá tốc độ cho phép, đặc biệt khi đi qua khu dân cư hoặc vào giờ nghỉ; sử dụng các phương tiện vận chuyển đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị thi công.

b) Giai đoạn vận hành

Quy định tốc độ tối đa các loại xe được lưu thông trên các tuyến đường của Dự án. Có các biển báo hạn chế tốc độ đối với các phương tiện ra vào Dự án. Bố trí cây xanh dọc 2 bên tuyến đường để giảm thiểu tiếng ồn, bụi, khí thải và tạo cảnh quan chung cho toàn bộ Dự án

Yêu cầu về môi trường: tuân thủ QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

2.3.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

2.3.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công:

- Xây dựng hệ thống rãnh thu gom nước mưa hình thang kích thước miệng rãnh x đáy x sâu khoảng (0,8 x 0,4 x 0,4) m và hệ thống hố lắng kích thước L x B x H khoảng (1,0 x 1,0 x 1,0) m với khoảng cách khoảng 50 m/hố lắng xung quanh các công trường thi công và dọc 2 bên ranh giới tuyến đường đang thi công với các khu vực dân cư để thu gom và lắng lọc nước mưa chảy tràn. Nước mưa thu gom, dẫn vào mương dẫn qua hố ga có lưới chắn để thu gom rác. Nước sau hố ga trước khi cho chảy vào dòng nước tại các kênh dẫn.

- Quy trình xử lý: Nước mưa chảy tràn → hệ thống rãnh thu gom nước mưa và hố lắng → lắng cặn → môi trường.

b) Giai đoạn vận hành:

- Xây dựng hệ thống thoát nước trên tuyến đường được xây dựng theo đúng thiết kế đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa sử dụng hệ thống cống thoát nước rãnh dọc hình thang, hình chữ nhật B=0,4-0,5m;

cống tròn D1250, D1500, cống hộp BxH=(1,25x1,25)÷3(3,0x3,0)m thoát nước ngang đường, đảm bảo thu gom, tiêu thoát nước cho khu vực, tránh ngập úng.

- Định kỳ nạo vét hệ thống tiêu thoát nước trên tuyến, đảm bảo khả năng lưu thông thoát nước mưa.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Xây dựng mạng lưới thu gom, thoát nước mưa tách biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về tiêu thoát nước, vệ sinh môi trường. Thực hiện các biện pháp quản lý, vận hành các công trình thu gom, thoát nước mưa chảy tràn đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực Dự án và khu vực xung quanh, không gây úng ngập trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án.

2.3.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hệ sinh thái, kinh tế - xã hội

- Giám sát, đảm bảo công tác thi công được triển khai trong ranh giới, phạm vi cho phép; tăng cường kiểm soát không để công nhân san gạt đất xuống ruộng, ao nuôi và đất canh tác của dân tại những vị trí sát cánh đồng lúa, vườn cây, ao nuôi trồng thủy sản của người dân.

- Phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền trong việc xây dựng hệ thống thoát nước theo phương án được sự chấp thuận của cơ quan chức năng có thẩm quyền trước khi thi công hệ thống thoát nước, bảo đảm mọi hoạt động của Dự án không gây ảnh hưởng tới hoạt động lấy nước phục vụ sinh hoạt, tưới tiêu, sản xuất nông nghiệp và hoạt động kinh tế dân sinh khác của người dân khu vực Dự án.

- Hoàn nguyên môi trường, thanh thải lòng kênh/mương khu vực Dự án ngay sau khi kết thúc thi công.

2.3.4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ trong quá trình thi công, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trước khi triển khai thi công và tổ chức thực hiện theo đúng quy định; bố trí nhân sự phối hợp với cảnh sát giao thông khu vực để hướng dẫn phân luồng tại khu vực thi công trong suốt thời gian thi công.

- Lắp dựng hàng rào trong phạm vi không gian và thời gian cho phép; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông được biết.

- Làm đường tạm trong trường hợp thi công cầu, cống gây ảnh hưởng tới hoạt động đi lại của các tổ chức, cá nhân.

2.3.4.4. Giảm thiểu tác động tới nguồn nước và đảm bảo khả năng cấp, thoát nước trong quá trình thi công

Thiết kế công trình phù hợp với kết quả khảo sát, điều tra thủy văn dọc tuyến, đảm bảo

khả năng cấp, thoát nước dọc tuyến; làm việc với cơ quan có thẩm quyền để thống nhất các nội dung về hành lang bảo vệ nguồn nước, đảm bảo các yêu cầu theo quy định của pháp luật về Tài nguyên nước, không gây sạt, lở bờ sông, kênh hoặc gây mất ổn định, sự an toàn của sông, kênh; không làm ảnh hưởng đến các chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; không gây ảnh hưởng xấu đến cảnh quan, môi trường sinh thái trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước.

2.3.4.5. Giảm thiểu tác động tới thoát nước và cải kênh mương

- Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình và biện pháp thi công, trong đó đặc biệt lưu ý tới các yêu cầu hoàn trả lại dòng chảy khi đắp bờ vây để thi công cống mới của hệ thống thoát nước ngang.

- Ngăn ngừa các nguy cơ gây cản trở dòng chảy của sông, kênh và gây ô nhiễm môi trường nước: thi công cống ngang tại các vị trí theo thiết kế trước khi tiến hành đắp nền đường. Việc đắp nền chỉ thực hiện sau khi kiểm tra thấy rằng các cống ngang đã hoạt động tốt.

- Thực hiện đúng quy trình thiết kế: hoạt động cải dòng chảy được tiến hành và hoàn thành trước mùa mưa; mương tạm dẫn nước từ thượng lưu về hạ lưu dòng chảy lũ được thực hiện trước khi làm đê quai ngăn nước; sau khi hoàn thành mương tạm, dẫn nước từ thượng lưu về hạ lưu, sau đó mới thực hiện làm đê quai ngăn dòng tạo khu vực thi công; cải dòng chảy và thi công các công trình thủy lợi tại vị trí dòng chảy cũ, sau khi đã hoàn tất công trình tại vị trí dòng chảy cũ, dòng nước lại được chuyển ngược về dòng chảy đã cải, mương tạm được lấp đi và hoàn nguyên bề mặt như hiện trạng.

2.3.4.6. Biện pháp giảm thiểu tác động đến nước dưới đất:

Làm bờ vây ngăn nước bản tràn theo vách. Bờ vây quan trụ đỡ ống vách được lắp đặt trong thời gian khoan tạo vách đối với từng cọc và duy trì trong suốt quá trình thi công cọc để ngăn ngừa nước mặt bản tràn theo mặt ngoài ống vách thâm nhập và lỗ khoan.

2.3.4.7. Biện pháp giảm thiểu tác động của xói, lở lòng sông:

Thi công công trình theo đúng thiết kế được phê duyệt; dọn dẹp vật cản lòng sông đảm bảo thông thoáng dòng chảy; thường xuyên theo dõi định kỳ các yếu tố địa hình, thủy văn thủy lực khu vực công trình cầu để kịp thời phát hiện bất thường để có phương án xử lý phù hợp; bảo trì và kiểm tra định kỳ hệ thống các công trình phụ trợ, công trình bảo vệ bờ sông tại khu vực cầu và các công trình hạ tầng trong vùng.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường

2.4.1. Tóm tắt chương trình quản lý và giám sát môi trường

2.4.1.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án

Chủ dự án thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã được nêu tại mục 2.3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

2.4.1.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường của chủ dự án

a) Giai đoạn thi công xây dựng

a1. Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: Tại các vị trí đi qua khu dân cư (KDC).
- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn, độ rung.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong suốt thời gian thi công Dự án.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

a2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026, Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

a3. Giám sát khác

- Thực hiện giám sát quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đồ thải, đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình vận chuyển đồ thải.
- Thực hiện giám sát khả năng thoát tiêu thoát nước, nguy cơ hư hỏng, tắc nghẽn hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn, bảo đảm không gây ngập úng.

b) Giai đoạn vận hành

b1. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Các đơn vị nhận bàn giao quản lý, vận hành tuyến đường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số

08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026, Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b2. Chương trình giám sát nước thải, khí thải

- Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải/bụi, khí thải tự động, liên tục.

- Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải/bụi, khí thải định kỳ.

2.4.2. Tóm tắt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

2.4.2.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công

- Tuyển chọn đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát thi công và nhà thầu thi công có đủ năng lực để thực hiện các gói thầu đảm bảo công trình được thực hiện đúng theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

- Trang bị các phương tiện phòng cháy, chữa cháy tại khu vực công trường thi công; tập huấn công tác phòng cháy, chữa cháy và phổ biến kiến thức phòng cháy, chữa cháy cho cán bộ, công nhân của Dự án; thực hiện nghiêm chỉnh các quy chuẩn quy phạm, quy định về phòng cháy, chữa cháy trong quá trình xây dựng và sử dụng các thiết bị, máy móc thi công; lắp đặt biển báo cấm không sử dụng lửa tại khu vực kho chứa nhiên liệu và các khu vực có nguy cơ xảy ra cháy.

- Tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động, tuân thủ theo quy định về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị, máy móc thi công; lắp đặt biển cảnh báo tại những vị trí có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động; sử dụng các máy móc, thiết bị được kiểm định, bảo đảm an toàn theo quy định hiện hành; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động làm việc trên công trường.

- Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

- Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình của Dự án theo đúng thiết kế được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt; định kỳ thực hiện giám sát nguy cơ gây lún, nứt các công trình khu vực Dự án trong suốt quá trình thi công. Trường hợp xảy ra lún, nứt hoặc tiềm ẩn nguy cơ lún, nứt ảnh hưởng các công trình hạ tầng, nhà cửa và các công trình liên quan khác phải dừng mọi hoạt động có liên quan, phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan khắc phục tình hình và đền bù mọi

thiệt hại do hoạt động của Dự án gây ra theo quy định của pháp luật.

2.4.2.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành

Các đơn vị nhận bàn giao quản lý, vận hành tuyến đường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác theo quy định của pháp luật.

2.5. Các nội dung khác

Không.

3. Cam kết của Chủ dự án

- Các cam kết về thực hiện các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.
 - Cam kết về tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
1. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường đã được đề xuất, bao gồm những biện pháp giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, xây dựng các công trình xử lý môi trường và thực hiện công tác giám sát môi trường sau khi báo cáo ĐTM của Dự án được UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt.
 2. Tôn trọng các giá trị của các cộng đồng địa phương và liên tục tiến hành trao đổi, tham khảo ý kiến với người dân địa phương trong các công việc có ảnh hưởng đến môi trường khu vực thực hiện Dự án;
 3. Liên tục cải thiện, cải tiến các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm thông qua theo dõi giám sát, quan trắc, thanh kiểm tra, rà soát. Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo ĐTM đã được phê duyệt và các yêu cầu của quyết định phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết, một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
 4. Cam kết hợp tác với địa phương về những vấn đề sử dụng lao động, giữ gìn trật tự an ninh trong phạm vi Dự án;
 5. Cam kết thực hiện nghiêm các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường của thành phố; thực hiện đầy đủ các quy định đối với việc khai thác đất, bãi thải theo quy định.
 6. Cam kết giám sát về sự cố, rủi ro gây ra với dân cư khu vực dự án, giám sát việc thải đất đá theo đúng cam kết, cam kết dọn mặt bằng khi kết thúc giai đoạn thi công, cam kết chủ dự án chịu trách nhiệm đền thiệt hại nếu để ra sự cố liên quan đến an toàn, ô nhiễm môi trường/ sự cố rủi ro.
 7. Cam kết khắc phục thiệt hại (công trình dân dụng, sản xuất nông nghiệp, đời sống người dân, sụt lún....), chịu trách nhiệm đền thiệt hại nếu để ra sự cố mất an toàn trong quá trình thi công, xây dựng và vận hành dự án.

8. Cam kết quản lý và xử lý chất thải rắn (bao gồm chất thải nguy hại, chất thải sinh hoạt, chất thải thi công) theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết, một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
9. Ưu tiên tuyển dụng các lao động địa phương khi thực hiện thi công dự án; Thi công dự án đúng tiến độ, thu dọn, làm vệ sinh môi trường và trả lại hiện trạng như ban đầu khi dự án kết thúc từng hạng mục. Hạn chế làm ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt, sản xuất của người dân địa phương lân cận dự án.
10. Cam kết có các giải pháp đảm bảo đến việc lưu thông của các phương tiện và người dân trong khu vực, có biện pháp che chắn để hạn chế bụi vào mùa nắng; thực hiện bảo dưỡng, khôi phục lại trạng thái ban đầu sau khi sử dụng.
11. Cam kết thực hiện đúng các biện pháp, giải pháp giảm thiểu của tác động xấu đến môi trường của dự án đúng theo nội dung trong báo cáo và phương án đã được phê duyệt trong quá trình thực hiện dự án.
12. Cam kết nghiên cứu, thiết kế khẩu độ cống phù hợp đảm bảo thoát nước dọc tuyến.
13. Cam kết sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả, đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, bảo vệ môi trường, dân chủ, công khai minh bạch, không để xảy ra khiếu kiện phức tạp.
14. Chủ đầu tư cam kết giải quyết các khiếu kiện của cộng đồng về những vấn đề môi trường của Dự án theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và các quy định ghi trong Chương XIV "Kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, xử lý vi phạm, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường" của Luật Bảo vệ Môi trường 2020.

NHÀ ĐẦU TƯ LẬP ĐỀ XUẤT DỰ ÁN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Quốc Việt

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
EAST STAR IP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13 /ESIP-ĐTDA

V/v đăng tải thông tin tham vấn đánh giá tác động môi trường của Dự án thành phần 3: Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Đông Tây thành phố Hải Phòng, đoạn từ đường Tỉnh Thủy đến cuối tuyến (Km3+188 -Km23+589,40), đầu tư theo phương thức đối tác công tư PPP, áp dụng hình thức Hợp đồng BT thanh toán bằng quỹ đất

Hải Phòng, ngày 24 tháng 09 năm 2026

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng.

Căn cứ Văn bản số 885/UBND-XDCT ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về việc cho phép Công ty cổ phần Tập đoàn East Star IP là Nhà đầu tư lập đề xuất Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Đông Tây, thành phố Hải Phòng (nối QL10 với vành đai 1 thành phố Hải Dương cũ);

Căn cứ Quyết định số 3279/QĐ-UBND ngày 17/8/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc thành lập Hội đồng thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (ĐXCTĐT) Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Đông Tây, thành phố Hải Phòng (sau đây viết tắt là “Hội đồng thẩm định”);

Căn cứ Báo cáo số 26/BC-HĐTĐ ngày 25/8/2026 của Hội đồng thẩm định về việc thẩm định Đề xuất chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Đông Tây, thành phố Hải Phòng, trong đó có Dự án thành phần 3: Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Đông Tây thành phố Hải Phòng, đoạn từ đường Tỉnh Thủy đến cuối tuyến (Km3+188 -Km23+589,40), đầu tư theo phương thức đối tác công tư PPP, áp dụng hình thức Hợp đồng BT thanh toán bằng quỹ đất,

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm, Công ty Cổ phần Tập đoàn East Star IP đã tổ chức lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) cho Dự án thành phần 3: Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Đông Tây thành phố Hải Phòng, đoạn từ đường Tỉnh Thủy đến cuối tuyến (Km3+188 -Km23+589,40), đầu tư theo phương thức đối tác công tư PPP, áp dụng hình thức Hợp đồng BT thanh toán bằng quỹ đất.

Căn cứ Khoản 3, Điều 26, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025) về việc tham vấn ý kiến cộng đồng trong quá trình lập Báo cáo ĐTM, Công ty Cổ phần Tập đoàn East Star IP kính gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng dự thảo Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở, nhằm lấy ý kiến tham vấn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án đầu tư.

Hồ sơ dự thảo Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án trong USB gửi kèm Công văn này, bao gồm: 01 tệp tin Báo cáo ĐTM bản đầy đủ, 01 tệp tin Nội dung tham vấn (tệp tin được scan (có đóng dấu) định dạng .pdf).

Tổng hợp các ý kiến tham vấn xin gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ: Công ty Cổ phần Tập đoàn East Star IP; Địa chỉ: Số 60 Trần Quang Khải, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn East Star IP kính đề nghị Quý Sở xem xét hồ sơ, đăng tải và gửi tổng hợp ý kiến tham vấn để Công ty hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật./.

Trân trọng!

(Các thông tin liên quan vui lòng liên hệ Phụ trách công tác tham vấn - Ông Trần Trung Thuận, số điện thoại 0943231088)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Trung tâm TV MT&PTNT (phối hợp);
- Lưu: VT.



